HANOI TOSERCO

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

Số 273 Phố Kim Mã, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 3726 2626
Fax: 024 3726 2571
Email: infor@tosercohanoi.com
Website: www.hanoitoserco.com.vn

Signature Not Verified
Ký bởi: Công Ty Cổ Phần Du Lịch Dịch Vụ Hà Nội
Ký ngày: 27/3/2020 16:05:12

Hanoi Toserco
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

2019 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

A. TỔNG QUAN CÔNG TY

1. THÔNG TIN CHUNG
2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
5. VỊ THẾ
6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
7. RỦI RO

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1.TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
2.TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
3.TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
4.CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1.ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
2.TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

D. BÁO CÁO CỦA HĐQT

1.ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
2.ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGĐ
3.KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
2.BAN KIỂM SOÁT
3.GIAO DỊCH VÀ THU LAO CỦA HĐQT, BKS
4.TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1.MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
2.ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa các Quý vị!

Tôi rất hân hạnh được chia sẻ với Quý vị về tình hình kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2020 của Hanoi Toserco.

Năm 2019 đã khép lại với những kết quả thành công ấn tượng của ngành Du lịch. Theo Tổng cục Du lịch: năm 2019 lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt 18 triệu lượt người, cao nhất từ trước đến nay. Việt Nam năm thứ 2 liên tiếp giữ vững danh hiệu "Điểm đến hàng đầu Châu Á" do Giải thưởng Du lịch thế giới WTA 2019 bình chọn.

Năm 2019 là một năm tình hình an ninh, chính trị của đất nước tiếp tục được giữ vững và ổn định, hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng; Đất nước và Thủ đô diễn ra nhiều sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và đối ngoại quan trọng; Khoa học công nghệ phát triển nhanh, đặc biệt cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã tác động sâu rộng đến nhiều lĩnh vực; Ngành Du lịch được quan tâm và xác định là ngành kinh tế mũi nhọn…. Đó tiếp tục là những yếu tố thuận lợi, mở ra nhiều cơ hội để các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ phát triển mạnh mẽ hơn.

Bên cạnh những mặt thuận lợi, năm 2019 chúng ta cũng đã phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức như: tình hình chính trị, kinh tế khu vực và thế giới diễn biến phức tạp, thiếu ổn định; xung đột xảy ra ở nhiều nơi, chiến tranh thương mại gia tăng; cùng với đó là sự ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết bất thường, dịch bệnh bùng phát trên phạm vi toàn cầu… đã tác động tiêu cực đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, với sự nỗ lực và quyết tâm cao nhất, tận dụng tối đa những yếu tố thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn thách thức, Hanoi Toserco đã giữ vững được sự ổn định và hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của năm 2019 đã đề ra.

- Doanh thu thuần năm 2019: đạt 168.771.969.283 VNĐ, hoàn thành 100% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019: đạt 81.641.236.282 VNĐ, đạt 104% so với kế hoạch.

Để đạt được những kết quả trên, trước hết là sự nỗ lực quyết tâm rất cao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty trong công việc; bên cạnh đó là sự ủng hộ của Quý vị cổ đông, các nhà đầu tư, đối tác, khách hàng, đã góp phần vào thành công chung của Hanoi Toserco trong năm 2019.

Năm 2020 khởi đầu với những diễn biến phức tạp của dịch bệnh làm ảnh hưởng đến mọi mặt của đời sống, bên cạnh đó chiến tranh thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp tục leo thang, tác động xấu tới kinh tế toàn cầu. Điều đó sẽ ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ. Trước những dự báo tình hình đó, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên của Hanoi Toserco sẽ quyết tâm phát huy truyền thống đoàn kết, chung sức đồng lòng, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, chèo lái Công ty vượt qua thời gian khó khăn, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch của năm 2020 đã đề ra.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Lãnh đạo và toàn thể người lao động của Công ty đã luôn chung sức đồng lòng, hết mình cống hiến tại Hanoi Toserco. Đặc biệt, tôi cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý vị cổ đông, Quý Khách hàng và Đối tác đã luôn tin tưởng và đồng hành, đóng góp cho sự thành công và phát triển của Hanoi Toserco, hướng đến tương lai bền vững và thịnh vượng!

Kính chúc Quý vị luôn mạnh khỏe và thành công!

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Minh Chung

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Doanh thu	đồng	166.946.280.950	163.975.960.565	168.771.969.283
Doanh thu thuần	đồng	166.946.280.950	163.965.960.565	168.771.969.283
Giá vốn	đồng	132.298.487.350	128.355.908.879	135.560.088.490
Lợi nhuận gộp	đồng	34.647.532.600	35.610.051.686	33.211.880.793
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	đồng	102.012.243.045	92.819.478.613	85.228.174.211
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	đồng	101.783.471.639	99.420.354.624	91.157.455.380
Lợi nhuận khác	đồng	66.196.308	130.699.901	(1.866.459.015)
Lợi nhuận trước thuế	đồng	101.849.667.947	99.551.054.525	89.290.996.365
Lợi nhuận sau thuế	đồng	96.226.620.293	91.563.037.125	81.641.236.282
Tổng tài sản	đồng	902.027.469.428	911.125.725.449	890.899.221.407
Vốn điều lệ	đồng	748.000.000.000	748.000.000.000	748.000.000.000
Vốn chủ sở hữu	đồng	857.635.257.512	859.083.005.359	842.137.839.372
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	10,67	10,05	9,16
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	11,22	10,66	9,69

TỔNG QUAN CÔNG TY

1. THÔNG TIN CHUNG
2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
5. VỊ THẾ
6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
7. RỦI RO

THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Mã số doanh nghiệp:	0100107155
Vốn điều lệ:	748.000.000.000VNĐ
Mã cổ phiếu:	TSJ

Số điện thoại:	024 3726 2626
Số fax:	024 3726 2571
Website:	hanoitoserco.com.vn
Địa chỉ:	Số 273 phố Kim Mã, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1988

Công ty Du lịch Dịch vụ Hà Nội (Hanoi Toserco) được thành lập theo quyết định số1625/QĐ-UB ngày 14/04/1988 của UBND TP. Hà Nội.

2005

Công ty chuyển đổi mô hình thành Công ty TNHH NN MTV, là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Du lịch Hà Nội, hoạt động thí điểm theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

2013

Công ty đổi tên thành Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội theo Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 17/06/2011 của UBND Thành phố Hà Nội.

2015

Công ty bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
UBND TP. Hà Nội ban hành quyết định số 2628/QĐ-UBND v/v điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội theo kết quả bán cổ phần khi thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội với số vốn điều lệ là 748.000.000.000 đồng.

2016

Ngày 15/03/2016 Công ty chính thức chuyển đổi và hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội.

2017

UBCKNN ra công văn số 1069/UBCK-GSĐC chấp thuận Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội trở thành Công ty đại chúng.
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội chính thức giao dịch lần đầu trên sàn Upcom ngày 01/08/2017 với giá tham chiếu là 10.200 đồng/ cổ phiếu.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty có nhiều mảng kinh doanh nằm tại nhiều địa điểm trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại số 273 Kim Mã, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội và có 01 chi nhánh nằm tại số 348 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

KINH DOANH CHO THUÊ VĂN PHÒNG

Đây là mảng kinh doanh chủ lực và có đóng góp lớn trong cơ cấu doanh thu hàng năm của Công ty. Hiện tại, Công ty đang kinh doanh cho thuê văn phòng tại 02 địa điểm chính là: Tòa nhà Toserco Building số 273 Kim Mã và Tòa nhà Vạn Phúc số 02 Núi Trúc.

Tòa nhà Toserco Building tại số 273 Kim Mã: có diện tích xây dựng 9.322m2 với 07 tầng nổi và 01 tầng hầm. Trong đó, diện tích văn phòng cho thuê là 4.800m2, diện tích mỗi sàn là 800m2 được thiết kế hiện đại, diện tích cắt thuê đa dạng và linh hoạt, đáp ứng tốt các nhu cầu của khách hàng.

Tòa nhà Vạn Phúc tại số 2 Núi Trúc: được đánh giá là có vị trí đắc địa tại địa bàn Quận Ba Đình, là nơi quy tụ nhiều công ty, tập đoàn lớn. Tòa nhà có diện tích xây dựng 3.044m2 với 06 tầng nổi. Nhờ việc nâng cao chất lượng dịch vụ và quan tâm đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất kịp thời nên đây là nơi thu hút khá nhiều khách hàng, tỉ lệ lấp kín phòng cho thuê năm 2019 đạt hơn 90% công suất.

KINH DOANH TOUR DU LỊCH

Đây là mảng kinh doanh truyền thống, đóng góp tỉ trọng lớn trong tổng doanh thu của Công ty hàng năm. Với đội ngũ cán bộ nhân viên, hướng dẫn viên giàu kinh nghiệm, được đào tạo bài bản trong lĩnh vực du lịch, Du lịch Hanoi Toserco đã tạo dựng cho mình trở thành một thương hiệu có uy tín, đồng thời đóng góp một phần quan trọng vào sự phát triển của ngành Du lịch Thủ đô. Trong năm qua, Du lịch Hanoi Toserco tiếp tục tổ chức và khai thác nhiều tour tuyến du lịch quốc tế và quốc nội có hiệu quả. Có thể kể đến một số tour du lịch quốc tế tiêu biểu đến Pháp-Bỉ-Hà Lan-Đức, Lào-Campuchia-Myanmar, Trung Quốc-Hồng Kongo-Macao và các tour đến khu vực ĐNÁ, ĐBÁ; các tour du lịch nội địa được ưa chuộng tới các điểm như: Hạ Long, Sapa, Đà Nẵng, Phú Quốc, Miền Tây...

KINH DOANH ĐẠI LÝ MÁY BAY

Hanoi Toserco luôn tự hào có Trung tâm dịch vụ, đại lý vé máy bay là đại lý bán vé truyền thống chính thức của nhiều hãng hàng không lớn quốc tế như: Singapore Airlines, Cathay Pacific, Thai Airways... và các hãng hàng không quốc nội như: Vietnam Airlines, Vietjet Air, Bamboo Airways, Jetstar Pacific; Đồng thời cung cấp các dịch vụ kèm theo như: bảo hiểm du lịch, dịch vụ visa, đặt khách sạn... Với thế mạnh đội ngũ cán bộ, nhân viên giàu kinh nghiệm, được đào tạo bài bản, phong cách phục vụ chuyên nghiệp, khách hàng hầu hết là các Công ty, tổ chức, tập đoàn lớn, các Đại sứ quán...Trung tâm dịch vụ - đại lý vé máy bay luôn góp phần quan trọng trong việc xây dựng và nâng cao giá trị thương hiệu của Hanoi Toserco.

VỊ THẾ

Với bề dày lịch sử phát triển, Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội là một trong những đơn vị có đóng góp nhất định cho sự phát triển của ngành du lịch thành phố Hà Nội. Để có được điều này, Công ty luôn chú trọng phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, góp phần tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp tới khách hàng, tạo nên một thương hiệu mạnh trên thị trường.

BỘ MÁY QUẢN LÝ

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

- Công ty liên doanh:

STT	Công ty liên doanh với nước ngoài	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Tỷ lệ sở hữu của TSJ
1	Công ty liên doanh khách sạn TNHH Hanoi Hotel	D8 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	Khách san, dịch vụ	29,58%
2	Công ty TNHH Global Toserco	40 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	Khách sạn, văn phòng cho thuê	35%

- Công ty liên kết, góp vốn:

STT	Công ty liên kết trong nước	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Tỷ lệ sở hữu của TSJ
1	CTCP Du lịch & TM Sao Phương Đông	269 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Khách sạn, VP cho thuê, căn hộ	40%
2	CTCP Hanoitourist Taxi	105 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Vận chuyển khách	5,20%

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

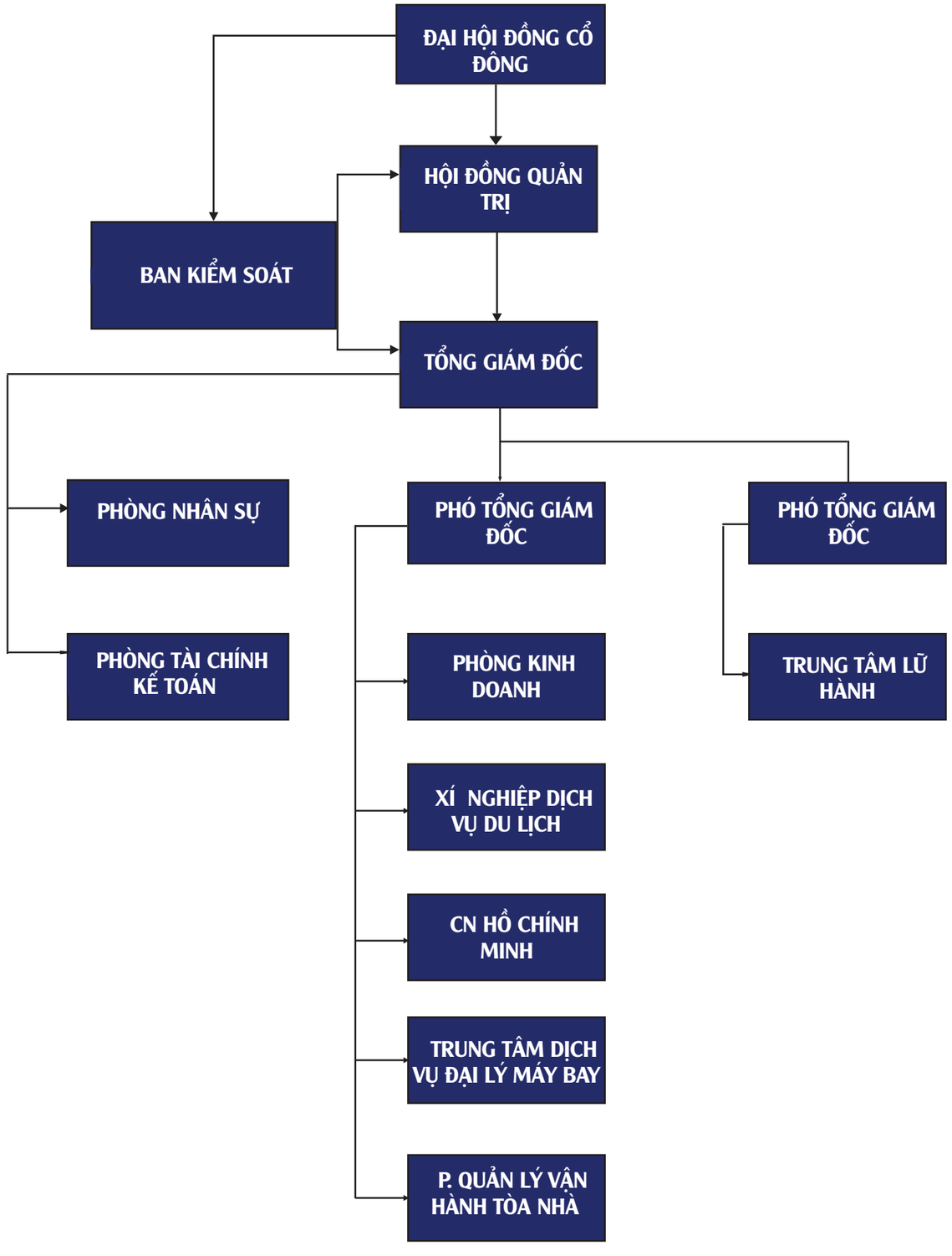

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN MINH CHUNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kế toán
Cử nhân Luật

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
06/2006-09/2015: Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Du lịch Hà Nội.
09/2015-nay: Chủ tịch HĐTV - Tổng Công ty Du lịch Hà Nội.
26/12/2015-nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội.
Số lượng cổ phần sở hữu:
Sở hữu đại diện vốn Nhà nước: 20.944.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 28%

NGUYỄN THỊ NGA

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Bà có hơn 39 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực kinh doanh và ngân hàng.
Năm 2001-nay: Bà công tác trong các ngân hàng tại Việt Nam và đều giữ vị trí Chủ tịch/ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
26/12/2015-nay: Bà giữ vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị- Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội.
Số lượng cổ phần sở hữu: không có

LÊ MINH THÀNH

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Ông có hơn 17 năm kinh nghiệm công tác và trải qua nhiều vị trí công tác trong lĩnh vực tài chính như Giám đốc tài chính, Trưởng nhóm tư vấn chiến lược và kiểm toán nội bộ của nhiều công ty, tổ chức.
2013-nay: Thành viên Hội đồng sáng lập - Vietnam Startup Foundation (NPO).
2014-nay: Chủ tịch HĐQT - CTCP 184 Hà Nội.
26/12/2015-nay: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội.
Số lượng cổ phần sở hữu: không có

TRẦN NGỌC TIẾN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
01/1996-05/2006: Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ nhà - Hanoi Toserco.
05/2006-03/2012: Trưởng phòng Đầu tư & Thẩm định - Hanoi Toserco.
03/2012-14/03/2016: Phó Tổng giám đốc Công ty, kiêm Giám đốc Trung tâm Nhà và Dịch vụ - Hanoi Toserco.
15/03/2016-nay: Thành viên HĐQT (kiêm Phó Tổng giám đốc từ 01/01/2017) - Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội.
Số lượng cổ phần sở hữu:
Sở hữu cá nhân: 4.200 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,0056%
Sở hữu đại diện phần vốn nhà nước: 12.859.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 17,19%

NGUYỄN THỊ NGỌC ANH

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kế toán

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
1993-2005: Cán bộ CTCP phát triển TN.
2005-Nay: Giám đốc CTCP Phát triển TN.
28/06/2019-Nay: Thành viên HĐQT CTCP Du lịch dịch vụ Hà Nội.
Số lượng cổ phần sở hữu: không có

LÊ THANH HÀ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế du lịch
Cử nhân Luật

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Bà đã có gần 30 năm kinh nghiệm công tác trong ngành Khách sạn và Du lịch.
03/2014-06/2017: Phó Phòng Đầu tư & Phát triển - Tổng Công ty Du lịch Hà Nội.
07/2017-nay: Phó Tổng Giám đốc thứ nhất - Công ty TNHH Global Toserco
26/12/2015-nay: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội.
Số lượng cổ phần sở hữu: không có

VŨ THỊ QUỲNH TRANG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
1999-2003: Phụ trách nhóm kiểm toán - Công ty Tư vấn Tài chính & Kiểm toán Grant Thornton (Vietnam) Ltd.
2003-2006: Kế toán tổng hợp - Sở Kế hoạch & Đầu tư TP Hà Nội.
2006-05/2011: Phó Giám đốc - Phụ trách dịch vụ Kế toán và Thuế - CTCP Tập đoàn Nguồn lực Việt.
06/2011-nay: Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ - CTCP Tập đoàn BRG.
26/06/2017-nay: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội.
Số lượng cổ phần sở hữu: không có

BAN KIỂM SOÁT

TRẦN XUÂN SƠN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
04/1999-03/2007: Kế toán viên-Phòng Kế toán Hanoi Toserco.
04/2007-08/2009: Phó Phòng vé máy bay Hanoi Toserco.
08/2009-05/2013: Phó phòng Tài vụ Kế hoạch Công ty, kiêm Phụ trách Kế toán Trung tâm Lữ hành.
06/2013-08/2013: Phó Giám đốc Trung tâm Lữ hành-Hanoi Toserco.
08/2013-14/03/2016: Kiểm soát viên-Hanoi Toserco.
15/03/2016-Nay: Trưởng Ban kiểm soát-CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội.
Số lượng cổ phần sở hữu:
Sở hữu cá nhân 1.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0017%.

NGUYỄN THỊ HIỀN

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
01/07/2010-31/12/2013: Kiểm toán viên - Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương.
05/01/2014-30/04/2015: Kiểm soát viên nội bộ - CTCP Thực phẩm sữa TH (TH True Milk).
04/2015-31/12/2018: Chuyên viên Kiểm soát nội bộ - CTCP Tập đoàn BRG.
1/2019-nay: Phó phòng Kiểm soát BĐS & XD - CTCP Tập đoàn BRG.
04/09/2018-nay: Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội.
Số lượng cổ phần sở hữu: không có

ĐÀO THỊ HIỀN

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
2010-2013: Công ty TNHH Yến Ngọc.
09/2013-nay: Chuyên viên Ngân hàng TMCP Nam Á.
2013-nay: Trưởng Ban kiểm soát - CTCP Trà Rồng Vàng.
26/12/2015-nay: Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội.
Số lượng cổ phần sở hữu: không có

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN KIM HÀ

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Ngoại Ngữ

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
01/09/2017-01/10/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội.
01/10/2017-nay: Tổng Giám đốc -CTCP Du lịch Dịch vụ Hà Nội.
Số lượng cổ phần sở hữu: không có

TRẦN NGỌC TIẾN

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

(XEM THÔNG TIN THÀNH VIÊN HĐQT)

TRỊNH MINH TÚ

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Quản trị Kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
04/2007-08/2009:Phó phòng Phòng Tổ chức hành chính - Hanoi Toserco.
08/2009-02/2012: Giám đốc Trung tâm Lữ hành - Hanoi Toserco.
03/2012-04/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty; kiêm Giám đốc Trung tâm Lữ hành - Hanoi Toserco.
04/2018-nay: Phó Tổng Giám đốc - Hanoi Toserco
Sở hữu cá nhân: 1.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0025%

VŨ HOÀI CHÂU

(bổ nhiệm 15/01/2020)
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ Kinh tế đối ngoại, Cử nhân QTKD Du lịch, Cử nhân Anh ngữ

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
06/2011-09/2016:Phó phòng Tổ chức Hành chính - Hanoi Toserco.
09/2016-01/2020: Trưởng phòng nhân sự - Hanoi Toserco.
01/2020-Nay: Phó Tổng Giám đốc - Hanoi Toserco.
Số lượng cổ phần sở hữu:
Sở hữu cá nhân: 5.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0077%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN.

Xây dựng vị thế là một doanh nghiệp lớn mạnh trong mảng kinh doanh dịch vụ du lịch ở Việt Nam. Tiếp tục củng cố năng lực quản lý hiệu quả của bộ máy lãnh đạo, ứng dụng những công nghệ tiên tiến để phù hợp với cuộc cách mạng 4.0.
Đảm bảo giá trị của Công ty bằng cách phát triển toàn diện về mọi mặt. Thực hiện tốt trách nhiệm cộng đồng, trách nhiệm xã hội và môi trường. Đảm bảo tốt môi trường làm việc cho người lao động cả về mặt vật chất và tinh thần.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đẩy mạnh đầu tư mới, cải tạo và nâng cấp hệ thống văn phòng cho thuê, điểm kinh doanh tour du lịch, làm cơ sở cho việc đẩy mạnh mở rộng hệ thống kinh doanh dịch vụ để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng đã đề ra.
Mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước một cách có chọn lọc, có định hướng, đầu tư có hiệu quả, phù hợp với tình hình Công ty nhằm đa dạng hóa hoạt động kinh doanh.

CÁC RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro ngành

Du lịch là một ngành có tính thời vụ. Nhu cầu du lịch trong nước hàng năm thường tăng cao vào tháng 6 tới tháng 8 và những đợt nghỉ Lễ. Đây là những giai đoạn cao điểm và thường đem lại doanh thu và lợi nhuận cao cho Công ty. Ngược lại, vào các tháng còn lại trong năm, nhu cầu du lịch thường có xu hướng giảm sút. Vì vậy, Công ty cần có các biện pháp quảng bá, kích cầu để không những đảm bảo kết quả kinh doanh hiệu quả trong những giai đoạn cao điểm mà những tháng thấp điểm hoạt động kinh doanh của Công ty cũng diễn ra ổn định.

Rủi ro đối thủ cạnh tranh

Việt Nam có một thị trường hấp dẫn khách du lịch, đang trên đà tăng trưởng nhanh. Điều này cũng dẫn tới sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các Công ty du lịch. Với thời đại toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, các Công ty du lịch truyền thống phải đối mặt với nhiều đối thủ mới, từ những Công ty nổi tiếng trong và ngoài nước với những nền tảng ứng dụng đặt dịch vụ (du lịch, khách sạn, vé máy bay...) rất tiện dụng và cạnh tranh. Tất cả những điều này đều ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty và buộc Công ty phải tìm cách thay đổi để đáp ứng với các yêu cầu của thời đại mới.

Rủi ro Kinh Tế

Tình hình an ninh, chính trị, kinh tế thế giới vẫn còn nhiều bất ổn. Những vấn đề nổi bật như căng thẳng trong quan hệ Mỹ - Iran, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, vấn đề hạt nhân của Triều Tiên, Iran,... Do Việt Nam là một nền kinh tế có tính mở tương đối cao nên những yếu tố trên luôn có sự ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển của nền kinh tế nói chung và ngành du lịch nói riêng.

Rủi ro môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ nên Công ty chịu ảnh hưởng nhiều từ các yếu tố rủi ro như: môi trường, chiến tranh, hạn hán, lũ lụt, dịch bệnh... Đầu năm 2020 trước thực trạng dịch bệnh Corona bùng phát khắp nơi trên thế giới, ngành du lịch Việt Nam nói chung và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng dự báo sẽ có sự sụt giảm đáng kể so với năm 2019.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN NGÀNH

Năm 2019, thế giới chứng kiến những căng thẳng thương mại, các thách thức về địa chính trị gia tăng, bất ổn xã hội ở một số khu vực, khó khăn trong tiến trình Brexit, lòng tin kinh doanh giảm sút, và nhất là kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại. Đây là những yếu tố tác động tiêu cực tới tăng trưởng du lịch toàn cầu năm 2019.
Trong bối cảnh khó khăn chung của thế giới và khu vực, trong 8 tháng đầu năm 2019, khách quốc tế đến Việt Nam chỉ tăng 8.7%. Trước tình hình đó, Lãnh đạo Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đã chỉ đạo quyết liệt việc triển khai các giải pháp tăng cường thu hút khách quốc tế. Tổng cục Du lịch chủ động tổ chức các hội nghị, tọa đàm, trao đổi tháo gỡ khó khăn, tăng cường hợp tác liên kết, điều chỉnh kế hoạch, tăng cường hiệu quả xúc tiến tại các thị trường ngoài nước. Kết quả là 4 tháng cuối năm, khách quốc tế đến Việt Nam tăng trưởng ngoạn mục với tốc độ 31.5%, đưa tổng lượng khách quốc tế cả năm đạt trên 18 triệu lượt, phục vụ 85 triệu lượt khách nội địa, tổng thu đạt khoảng 720.000 tỷ đồng. Với kết quả này, Việt Nam được đánh giá là một trong 10 quốc gia có mức tăng trưởng du lịch nhanh nhất thế giới. Đây là mức tăng trưởng đặc biệt ấn tượng trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều bất ổn ảnh hưởng đến du lịch toàn cầu.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2019	TH năm 2019	% KH năm 2019
Doanh thu thuần	Đồng	168.370.235.568	168.771.969.283	*100,24%*
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	78.528.446.348	81.641.236.282	*103,96%*

Kết thúc năm 2019, nhìn chung doanh nghiệp đã hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao phó, doanh thu thuần đạt 168,771 tỷ đồng, hoàn thành 100,24% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế là 81,641 tỷ đồng, đạt 103,96% so với kế hoạch đề ra.

KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng trưởng
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	911,126	890,899	-2,22%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	163,966	168,772	2,93%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	99,420	91,157	-8,31%
4	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	92,820	85,228	-8,18%
5	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,130	-1,866	-1435,38%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	99,551	89,291	-10,31%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	91,563	81,641	-10,84%

Kết thúc năm 2019, doanh thu thuần cả Công ty đạt sấp sỉ 168,772 tỷ đồng, tăng 2,93 % so với năm 2018. Lợi nhuận sau thuế đạt 81,641 tỷ đồng giảm 10,84% % so với năm 2018.
Lợi nhuận sau thuế năm 2019 giảm 9,922 tỷ đồng so với năm 2018 nguyên nhân chính là do năm 2018 ghi nhận cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động tài chính là 61,068 tỷ đồng, trong khi đó năm 2019 con số là 54,231 tỷ đồng.

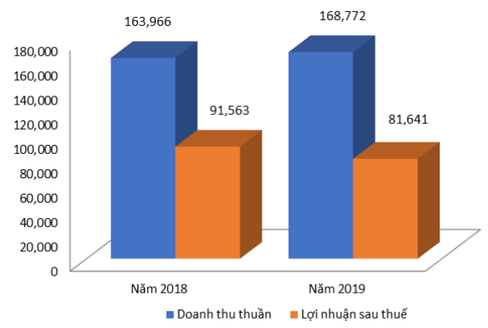

Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2018 -2019

Công ty đã dự đoán được trong năm 2019 sẽ gặp phải nhiều khó khăn thử thách. Trong năm qua đã chứng kiến nhiều sự kiện như Brexit, căng thẳng chiến tranh thương mại, căng thẳng Mỹ-Iran,.... Điều này cũng ảnh hưởng phần nào tới kết quả kinh doanh của Công ty. Dù vậy Công ty vẫn cố gắng hết sức để đạt những mục tiêu đã đề ra.

CƠ CẤU DOANH THU, LỢI NHUẬN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Doanh thu thuần		
			TH 2018	TH 2019	Tăng trưởng (%)
1	Hoạt động cho thuê văn phòng	Tỷ đồng	49,745	50,278	1,07
2	Hoạt động vận hành tour du lịch	Tỷ đồng	80,318	77,871	-3,05
3	Hoạt động đại lý vé máy bay	Tỷ đồng	33,903	40,623	19,82
	TỔNG	Tỷ đồng	163,966	168,772	2,93%

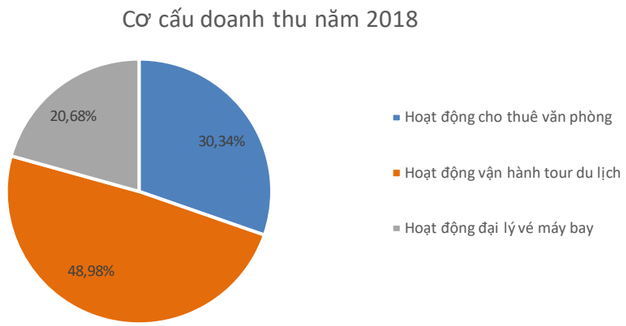

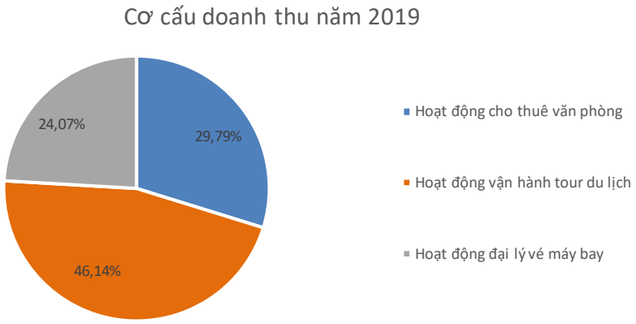

Trong năm qua Công ty không có sự thay đổi về cơ cấu doanh thu. Điều nay là do Công ty trong năm 2019 chủ động duy trì hoạt động kinh doanh. Cụ thể, hoạt động vận hành tour du lịch tuy giảm tỉ trọng xuống còn 46,14% năm 2019 nhưng vẫn chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng cũng giảm xuống còn 29,79%. Doanh thu đại lý vé máy bay tăng 19,82%, đạt 40,623 tỷ đồng năm 2019 do Công ty đẩy mạnh các công tác bán hàng, tìm kiếm các nguồn khách có tiềm năng và hợp tác lâu dài. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường quảng bá, mở rộng thị trường, mở rộng các kênh bán vé bằng cách đăng ký làm thành viên của hiệp hội vận tải hàng không quốc tế IATA.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

STT	Tiêu chí	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng	Số lượng (người)	Tỷ trọng	Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	**Theo trình độ lao động**						
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	**70**	64,20%	**65**	65,00%	**58**	63,00%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	**5**	4,60%	**5**	5,00%	**5**	5,40%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	**33**	30,30%	**30**	30,00%	**29**	31,50%
4	Lao động phổ thông	**1**	0,90%		0,00%		0,00%
II	**Theo đối tượng lao động**						
1	Lao động trực tiếp	**64**	58,70%	**56**	56,00%	**49**	53,30%
2	Lao động gián tiếp	**45**	41,30%	**44**	44,00%	**43**	46,70%
III	**Theo giới tính**						
1	Nam	**54**	49,50%	**51**	51,00%	**48**	52,20%
2	Nữ	**55**	50,50%	**49**	49,00%	**44**	47,80%
IV	**Theo thời hạn HĐLĐ**						
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm						
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	**1**	0,90%	**6**	6,00%	**4**	4,30%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	**108**	99,10%	**94**	94,00%	**88**	95,70%
V	**Theo cấp quản lý**						
1	Quản lý cấp cao	**5**	4,60%	**5**	5,00%	**5**	5,40%
2	Quản lý cấp trung	**12**	11,00%	**11**	11,00%	**12**	13,00%
3	Quản lý cấp chi nhánh	**1**	0,90%	**1**	1.,00%	**1**	1,10%
4	Chuyên viên, nhân viên	**91**	83,50%	**83**	83,00%	**74**	80,40%
VI	**Theo độ tuổi**						
1	Từ 18 đến 25 tuổi						
2	Từ 26 đến 35 tuổi	**8**	7,30%	**6**	6,00%	**5**	5,40%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	**47**	43,10%	**41**	41,00%	**37**	40,20%
4	Trên 45	**54**	49,50%	**53**	53,00%	**50**	54,30%

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách đào tạo

Công ty luôn coi trọng vai trò của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên và người lao động. Bên cạnh việc tổ chức hình thức đào tạo tại chỗ, Công ty cũng thường xuyên hỗ trợ tài chính và tạo điều kiện về thời gian để cán bộ nhân viên và người lao động tham gia các khóa học nghiệp vụ ngắn hạn; các khóa tập huấn, phổ biến chính sách mới do các cơ quan, ban ngành tổ chức nhằm nâng cao trình độ, đáp ứng tốt các yêu cầu công việc thực tế.

Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc 8h/ngày, không quá 48h/tuần, nghỉ các ngày lễ, tết theo quy định của Luật lao động. Công ty luôn đảm bảo các nhân viên có trang thiết bị làm việc đầy đủ, hiện đại. Bên cạnh đó, Công ty cũng xây dựng một môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, năng động cho nhân viên, thường xuyên tổ chức các hoạt động vào các dịp như ngày Phụ nữ Việt Nam, ngày Quốc tế Phụ nữ, ngày quốc tế lao động,...

Chính sách lương, thưởng

Công ty áp dụng chính sách lương năng suất cho các đơn vị kinh doanh nhằm khuyến khích hiệu quả sản xuất của các đơn vị, tạo động lực cho người lao động làm việc tích cực hơn. Công ty áp dụng các chính sách thưởng như tháng lương thứ 13, thưởng vào các ngày lễ, Tết,...

Chế độ bảo hiểm, trợ cấp

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo toàn thể người lao động đều được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm.

Ngoài việc thực hiện các chính sách lương, thưởng, chế độ bảo hiểm xã hội, y tế ,thất nghiệp theo qui định pháp luật, Công ty luôn duy trì và đảm bảo tốt các chế độ khác như: khám sức khỏe định kỳ, tổ chức đi tham quan du lịch, nghỉ mát hàng năm; quan tâm thăm hỏi khi cán bộ nhân viên hoặc người thân bị ốm đau, tặng quà con em CBNV có thành tích học tập, tổ chức tôn vinh phụ nữ nhân dịp 8/3, 20/10,...

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong năm 2019, các Công ty liên doanh liên kết, Công ty có vốn góp đều có tình hình kinh doanh khả quan. Doanh thu thuần của Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel tăng 108%, của Công ty TNHH Global Toserco tăng 109% so với năm 2018. Tổng tài sản của CTCP Du lịch & Thương mại Sao Phương Đông năm 2019 tăng 138% đạt 140.983.285.098 đồng.

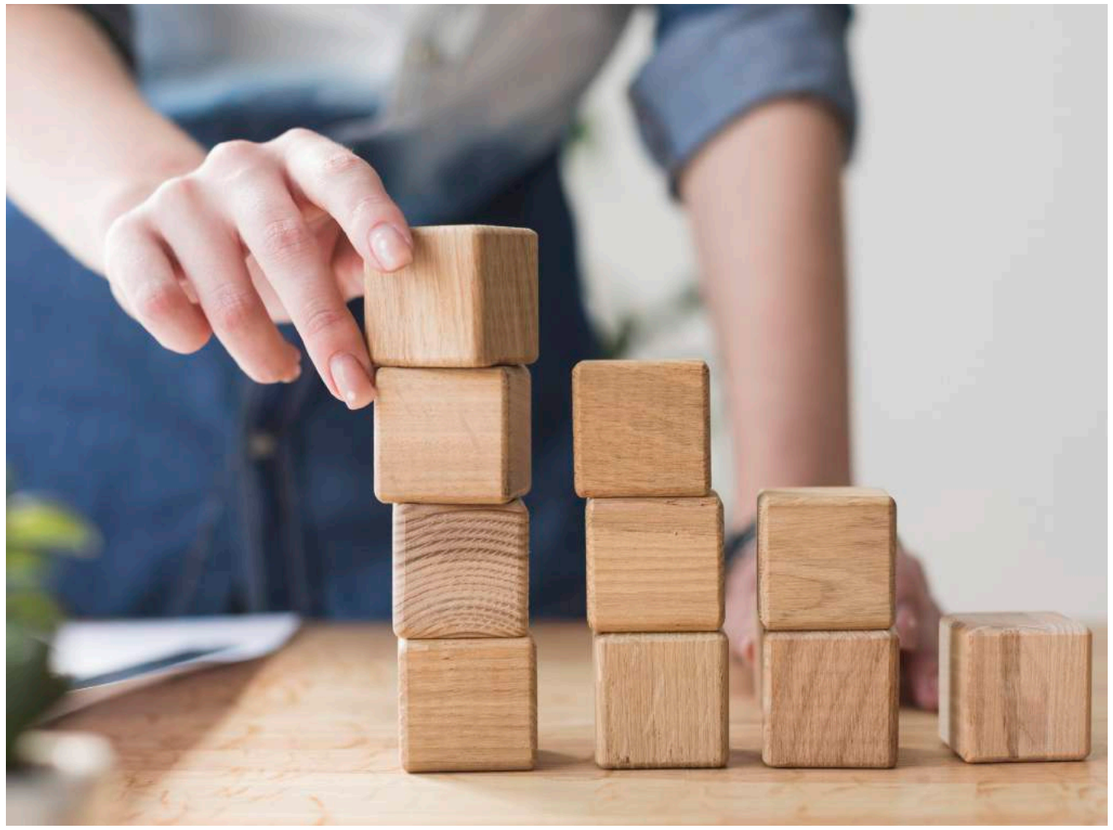

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1	Tổng tài sản	đồng	911.125.725.449	890.899.221.407
2	Doanh thu thuần	đồng	163.965.960.565	168.771.969.283
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	đồng	99.420.354.624	91.157.455.380
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	đồng	92.819.478.613	85.228.174.211
5	Lợi nhuận khác	đồng	130.699.901	(1.866.459.015)
6	Lợi nhuận trước thuế	đồng	99.551.054.525	89.290.996.365
7	Lợi nhuận sau thuế	đồng	91.563.037.125	81.641.236.282

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Tăng trưởng (%)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	11,60	13,33	*1,72*
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	11,59	13,32	*1,73*
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	5,71	5,47	*-0,24*
- Vốn Chủ sở hữu/ Tổng Nguồn vốn	%	94,29	94,53	*0,24*
3. Chỉ tiêu về tài sản				
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	59,81	60,12	*0,31*
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	40,19	39.88	*-0,31*
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	55,84%	48,37%	*-7,47*
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	10,66%	9,69%	*-0,97*
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	10,05%	9,16%	*-0,89*
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	60,63%	54,01%	*-6,62*

Các chỉ số khả năng thanh toán, về cơ cấu vốn, về năng lực hoạt động đều có sự cải thiện nhẹ. Tuy nhiên khả năng sinh lời lại giảm:
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần đạt 48.37%, giảm 7.47%. Điều này là giá vốn hàng bán tăng do chịu sự cạnh tranh từ nhiều công ty khác.
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần giảm 6.62% do doanh thu thuần của Công ty chỉ tăng 2.93% nhưng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2019 chỉ đạt 91,157 tỷ đồng, giảm 8.31%.

CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	TSJ
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
Ngày bắt đầu niêm yết/ đăng ký giao dịch	01/08/2017
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	74.797.400 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ	2.600 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	54.757.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	20.040.400 cổ phiếu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	33.803.000	45,19	1	1	-
2	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)					
	- Trong nước	25.690.000	34,35	2	1	1
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	2.600	0,0034	1	1	-
4	Cổ đông khác					
	- Trong nước	15.304.400	20,457	166	6	160
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG		74.800.000	100	170	9	161
Trong đó: - Trong nước		74.800.000	100	170	9	161
- Nước ngoài		-	-	-	-	-

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2019, bên cạnh những yếu tố thuận lợi do Nhà nước tiếp tục có nhiều quyết sách quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển ngành Du lịch song Công ty cũng gặp không ít khó khăn thách thức từ môi trường vĩ mô do biến động phức tạp về kinh tế, chính trị thế giới, đặc biệt là sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt từ các đối thủ trong cùng lĩnh vực hoạt động dịch vụ trong nước. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đã luôn bám sát sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, cùng với sự nỗ lực quyết tâm cao của toàn thể cán bộ, nhân viên đã giúp cho Công ty chúng ta tận dụng được những mặt thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Chỉ tiêu	Thực hiện (Tỷ đồng)		KH năm 2019 (Tỷ đồng)	Tăng trưởng (%)	
	Năm 2018	Năm 2019		So với KH	So với năm 2018
Doanh thu	163,966	168,772	168,370	0,24	2,93
Lợi nhuận trước thuế	99,551	89,291	82,967	7,62	-10,31
Lợi nhuận sau thuế	91,563	81,641	78,528	3,96	-10,84%

Mặc dù năm 2019 có nhiều khó khăn, tuy nhiên với sự chỉ đạo đúng hướng, kịp thời của Hội đồng Quản trị, cùng với sự nỗ lực quyết tâm cao của Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ, nhân viên, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra. Kết quả đạt được năm 2019 là đáng khích lệ, nhưng để Công ty phát triển bền vững, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu, áp dụng nhiều giải pháp một cách đồng bộ, chú trọng vào các nhiệm vụ trọng tâm nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Tăng trưởng
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	544.905.169.512	59,81%	535.564.564.663	60,12%	-1,71%
Tài sản dài hạn	366.220.555.937	40,19%	355.334.656.744	39,88%	-2,97%
Tổng tài sản	911.125.725.449	100,00%	890.899.221.407	100,00%	-2,22%

Tổng tài sản trong năm 2019 giảm 2.22% so với năm 2018. Tuy nhiên cơ cấu về tài sản không có sự thay đổi. Tải sản ngắn hạn vẫn chiếm khoảng 60% tỷ trọng. Điều này thể hiện các chính sách, kế hoạch kinh doanh của Công ty vẫn phát huy tính hiệu quả và ổn định trong bối cảnh có nhiều tác động tiêu cực từ bên ngoài.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Tăng trưởng
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trong	
Nợ ngắn hạn	46.966	90,25%	40.190	82,42%	-14,43%
Nợ dài hạn	5.076	9,75%	8.571	17,58%	68,85%
Tổng nợ phải trả	52.042	100 %	48.761	100%	-6,30%

Tổng số nợ phải trả trong năm 2019 đã giảm 6,3%, tương đương 3,281 tỷ đồng so với năm 2018. Nguyên nhân chính do tỷ trọng nợ ngắn hạn giảm 14.43% từ giảm tiền lãi phải trả cho các nhà đầu tư.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019
Nợ phải trả	Tỷ đồng	52,043	48,761
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	859,083	842,138
Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	911,126	890,899
Tỷ trọng Nợ phải trả	%	6	5
Tỷ trọng Vốn chủ sở hữu	%	94	95

Nhận xét:
Công ty đã kiểm soát tốt nợ phải trả trong năm 2019, tỷ lệ nợ phải trả/tổng nguồn vốn được duy trì ổn định ở mức thấp 5%. Công ty không chủ động sử dụng đòn bẩy tài chính do nhận định năm 2019 tình hình kinh doanh sẽ gặp nhiều khó khăn.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020
1	Tổng doanh thu	175,88 tỷ đồng
2	Tổng LN kinh doanh trước thuế	80,58 tỷ đồng
3	Tổng LN kinh doanh sau thuế	75 tỷ đồng
4	Thu nhập BQ người/tháng	9,5 triệu đồng
5	Nộp ngân sách	20 tỷ đồng

Để thực hiện kế hoạch năm 2020 nêu trên, Ban Tổng giám đốc quán triệt thực hiện đồng bộ các biện pháp: Giao chỉ tiêu kế hoạch tới từng đơn vị; Thực hiện tiết kiệm chi phí trong hoạt đông kinh doanh; Giám sát chất lượng dịch vụ, coi trọng chất lượng hơn số lượng;....Ban Tổng giám đốc sẽ luôn bám sát chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, cùng với sự quyết tâm cao của toàn thể cán bộ, nhân viên, Công ty tự tin khắc phục khó khăn để hoàn thành các kế hoạch được giao.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGĐ
KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ, NGÀNH

Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, kinh tế Việt Nam tiếp tục đánh dấu 1 năm khởi sắc. Mặc dù các căng thẳng mang tính toàn cầu như thương mại Mỹ-Trung, các vấn đề địa chính trị làm gia tăng đáng kể tính bất ổn hệ thống thương mại thế giới. Tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 7.02% so với năm 2018, vượt mục tiêu đề ra từ 6.6%-6.8%. Tỷ lệ thất nghiệp giảm, an sinh xã hội được cải thiện.
Ngành du lịch trong năm 2019 cũng có một năm thành công. Không chỉ ở những con số như số lượng khách du lịch quốc tế đạt hơn 18 triệu lượt người, 85 triệu lượt khách nội địa, nó còn là những giải thưởng uy tín:" Điểm đến ẩm thực hàng đầu Châu Á", "Điểm đến di sản hàng đầu thế giới năm 2019". Các chỉ số năng lực cạnh tranh của du lịch Việt Nam cũng được cải thiện. Bên cạnh đó việc tổ chức nhiều sự kiện lớn Họp thượng đỉnh Mỹ-Triều Tiên, Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc Vesak 2019 đã tạo nhiều cơ hội để quảng bá Du lịch Việt Nam cho bạn bè thế giới.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Nhìn chung trong năm 2019, hoạt động kinh doanh của Công ty được duy trì ổn định. Doanh thu có tăng nhẹ và các khoản nợ được kiểm soát.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019
Doanh thu thuần	đồng	163.965.960.565	168.771.969.283
Lợi nhuận trước thuế	đồng	99.551.054.525	89.290.996.365
Lợi nhuận sau thuế	đồng	91.563.037.125	81.641.236.282

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA CÔNG TY

Về công tác tổ chức nhân sự
Chất lượng nhân sự ngày càng được Công ty chú trọng với những hoạt động đào tạo, chính sách phát triển cho người lao động cả về vật chất và tinh thần. Chất lượng dịch vụ được nâng cao đã đáp ứng được nhu cầu của các đối tác và yêu cầu phát triển của Công ty.
Công ty luôn giữ được sự ổn định, đoàn kết của cán bộ nhân viên trong lao động sản xuất; không ngừng cải thiện cơ sở vật chất và điều kiện làm việc, nâng cao phúc lợi, chăm lo cho đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động ngày một tốt hơn.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGĐ

Những mặt làm được

Công ty đã cố gắng hoàn thành những mục tiêu đề ra trong bối cảnh có nhiều biến động ảnh hưởng tới ngành du lịch. Đây là kết quả rất đáng ghi nhận đối với Công ty khi mới thay đổi theo mô hình hoạt động công ty cổ phần. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực cũng như tinh thần trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực, tâm huyết trong việc đề ra và thực hiện các kế hoạch chiến lược kinh doanh đầu tư, nhằm giúp cho Công ty luôn hoạt động ổn định và từng bước phát triển.

Những mặt chưa làm được và nguyên nhân

Mặc dù Ban lãnh đạo đã cố gắng để thực hiện kế hoạch đề ra nhưng kết quả kinh doanh năm 2019 vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế. Biên lợi nhuận của nhiều mảng bị giảm, phản ứng với những biến động trên thế giới và trong nước còn tương đối thụ động. Ban Lãnh đạo cần nghiên cứu kỹ hơn tình hình kinh tế trong năm 2020 để có thể đề ra những chiến lược hiệu quả, phù hợp nhất với Công ty.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Dự báo trong năm 2020, tình hình thế giới vẫn sẽ có những diễn biến phức tạp, do đó Công ty cần tiếp tục ổn định tình hình kinh doanh, giảm thiểu chi phí không cần thiết và cải thiện biên lợi nhuận. Do vậy Hội đồng Quản trị đặt ra các chỉ tiêu cho năm 2020 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2019	KH năm 2020	Tăng trưởng (%)
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	168,772	175,878	4,21
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	81,641	74,997	-8,14

Phương hướng thực hiện

Để giữ vững sự ổn định và phát triển các hoạt động của Công ty, Hội đồng Quản trị tiếp tục giám sát cũng như chỉ đạo kịp thời, nhanh chóng việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ quản lý của Công ty trong tất cả các lĩnh vực như: hoạt động kinh doanh, công tác tài chính, nhân sự, công tác quản lý tài sản.

Duy trì và phát triển cùng các đối tác, nhà cung cấp hiện tại bằng cách đáp ứng chất lượng dịch vụ ngày càng cao về chính sách, quy mô, nhân sự.

Tăng cường triển khai các phương án sử dụng mặt bằng hợp lý, hiệu quả, nhằm tối đa hóa lợi nhuận kinh doanh của Công ty; Đẩy mạnh đầu tư mới và cải tạo, nâng cấp lại hệ thống kinh doanh dịch vụ. Tăng cường công tác quản lý theo quy định nhà nước, ngành và Công ty, làm tốt công tác quản lý tài chính, chi tiêu nội bộ, bảo đảm tuân thủ các quy định, chuẩn mực pháp luật.

Phấn đấu giữ vững sự ổn định của Công ty, đoàn kết của tất cả các cổ đông và người lao động, tăng cường sự ủng hộ của các cơ quan ban ngành, từng bước cải thiện cơ sở vật chất, điều kiện làm việc; nâng cao phúc lợi, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ nhân viên. Chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các vấn đề theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty. Chỉ đạo giải quyết nhanh mọi vướng mắc trong hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện đúng kế hoạch, mục tiêu đề ra.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN KIỂM SOÁT
GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỌ TÊN	CHỨC VỤ
Ông Nguyễn Minh Chung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Minh Thành	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Lê Thanh Hà	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trần Ngọc Tiến	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên Hội đồng Quản trị

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT:

STT	Số NQ/QĐ	THỜI GIAN	NỘI DUNG
1	01/NQ-HĐQT	28/01/2019	V/v thực hiện chi trả lãi cho Nhà đầu tư mua cổ phần (giai đoạn chậm CPH: từ 21/08/2015-14/03/2016)
2	02/NQ-HĐQT	29/01/2019	V/v thưởng tháng lương thứ 13 cho CBNV dịp Tết Nguyên đán
3	03/NQ-HĐQT	27/02/2019	V/v phê duyệt Hệ thống thang bảng lương, Quy chế tiền lương
4	04/NQ-HĐQT	20/03/2019	V/v Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 (ngày dự kiến: 23/04/2019)
5	82/TSC	22/04/2019	V/v thay đổi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2019
6	05/NQ-HĐQT	24/05/2019	V/v Thông qua KH tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2019 (ngày dự kiến: 28/06/2019)
7	06/NQ-HĐQT	12/7/2019	V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019
8	01/QĐ-HĐQT	31/05/2019	V/v bà Vũ Thị Bình thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng của Công ty từ 01/07/2019
9	02/QĐ-HĐQT	31/05/2019	V/v tiếp nhận và bổ nhiệm ông Tạ Ngọc Lẫm giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty từ 01/07/2019
10	07/NQ-HĐQT	30/07/2019	V/v thay đổi địa chỉ Chi nhánh TP. HCM
11	08/NQ-HĐQT	30/07/2019	V/v Thông qua phương án chi trả quỹ thưởng HĐQT, BKS, BTGĐ của năm 2018
12	09/NQ-HĐQT	1/8/2019	V/v phê duyệt nội dung và triển khai các thủ tục đăng ký TƯLĐTT (sửa đổi) theo luật định
13	10/NQ-HĐQT	14/08/2019	V/v phê duyệt BCTC bán niên 2019 đã kiểm toán
14	11/NQ-HĐQT	28/10/2019	V/v thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông đối với phần LNST chưa phân phối năm 2016
15	14/NQ-HĐQT	16/12/2019	V/v chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của Hanoi Toserco tại Công ty Sao Phương Đông

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên BKS

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Trần Xuân Sơn	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Đào Thị Hiền	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên Ban kiểm soát

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát

Các hoạt động của BKS

Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban của Ban Tổng giám đốc, nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

Giám sát, kiểm tra quản lý và thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty, của HĐQT và Ban điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của nội dung kinh doanh năm 2019 theo các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên.

Kiểm tra giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành.

Thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính các quý và năm. Có ý kiến kịp thời để đảm bảo báo cáo được lập đúng quy trình, phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty.

Ban Kiểm soát chủ động lập kế hoạch kiểm soát và triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát đã tổ chức các đợt kiểm tra thực tế tại các đơn vị trực thuộc của Công ty, trong các đợt kiểm tra đã nêu ra các tồn tại và kiến nghị gửi HĐQT, Ban Tổng Giám đốc để đơn vị hoàn thiện tốt hơn trong công tác kế toán cũng như sản xuất kinh doanh.

Giám sát việc thực thi công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường theo quy định của pháp luật, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông Công ty.

Giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty đã ban hành.

Chủ động phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng/ban chuyên môn trong công việc.

STT	NỘI DUNG	NGÀY HỌP	NỘI DUNG CHI TIẾT
1	Họp định kỳ	11/4/2019	- Thẩm định BCTC năm 2018 đã được kiểm toán và đánh giá tình hình của các mảng kinh doanh trong Công ty như: bất động sản, bán vé máy bay, lữ hành. - Các thành viên BKS tham gia ý kiến hoàn thiện bản Báo cáo hoạt động của BKS năm 2018 trình trước ĐHĐCĐ thường niên 2019. - Xây dựng kế hoạch thời gian kiểm tra của BKS trong năm 2019 tại các đơn vị trực thuộc Công ty.
2	Họp định kỳ	30/07/2019	- Đánh giá BCTC và tình hình kinh doanh của Công ty 6 tháng đầu năm 2019 - Lên kế hoạch kiểm tra của BKS trong thời gian tiếp theo, thống nhất về thời gian lập cáo cáo đánh giá bán niên của BKS.
3	Họp định kỳ	30/10/2019	- Đánh giá BCTC và tình hình kinh doanh của Công ty trong 9 tháng của năm 2019; - Lập kế hoạch thời gian cụ thể kiểm tra tại đơn vị trực thuộc; - Trao đổi về vấn đề liên quan đến chi trả cổ tức của năm 2018; - Trao đổi về các vấn đề liên quan tới Biên bản kiểm tra, đối chiếu của Kiểm toán Nhà nước Khu vực I ngày 03/10/2019; - Xây dựng kế hoạch hoạt động và kiểm tra các đơn vị trực thuộc Công ty trong năm 2020: + Phương hướng hoạt động của BKS năm 2020; + Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát của BKS theo thời gian cụ thể; + Xây dựng kế hoạch kiểm tra tại các đơn vị trực thuộc Công ty trong năm 2020; + Phân công công việc cụ thể cho từng thành viên BKS năm 2020.
4	Họp bất thường	3/12/2019	Xem xét, đánh giá các vấn đề kiến nghị của cổ đông, phát hành văn bản trả lời cổ đông, đồng thời gửi văn bản tới HĐQT v/v đề xuất các ý kiến của BKS trong việc trả lời các kiến nghị của cổ đông.

GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS

Tổng dự toán lương/thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2019: 1.534.000.000 đồng, đã bao gồm thuế Thu nhập cá nhân và 01 tháng thù lao nhân dịp Tết nguyên đán 2020.

Hội đồng quản trị: 07 thành viên
Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 15.000.000 đồng/ tháng
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 12.000.000 đồng/ người/ tháng
Thành viên Hội đồng Quản trị: 10.000.000 đồng/ người/ tháng

Ban Kiểm soát: 03 thành viên
Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách: 29.000.000 đồng/tháng
Thành viên Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/ người/ tháng

Tăng cường quản trị Công ty

Kế hoạch đào tạo, học tập về quản trị Công ty: Các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát lên kế hoạch tham gia các khóa học, tập huấn về quản trị Công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức
Quan hệ nhà đầu tư: Tăng cường công tác tiếp xúc nhà đầu tư; thực hiện nghiêm các quy định về công bố thông tin được áp dụng với tổ chức đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
Quản trị tài chính - Kế toán: Nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán phục vụ quản trị hoạt động tài chính kế toán.
Quản trị nhân sự: Nâng cao hiệu quả trong quản trị nhân sự, nghiên cứu áp dụng phần mềm quản lý nhân sự chuyên nghiệp thay thế phương pháp quản trị hiện tại.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TGĐ

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững của Công ty đó là gắn phát triển du lịch bền vững với tăng trưởng xanh, bám sát theo yêu cầu xuyên suốt của Chiến lược phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Viện Nghiên cứu phát triển Du lịch.
Công ty gắn phát triển du lịch với bảo tồn, phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa dân tộc, sử dụng các tài nguyên thiên nhiên hiệu quả kết hợp bảo vệ môi trường với duy trì phát triển sinh thái. Bên cạnh đó, mục tiêu của Công ty còn có phát triển tiềm năng của lực lượng lao động, đảm bảo việc làm và an sinh xã hội.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TGĐ

ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Bảo vệ môi trường luôn là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Công ty. Công ty luôn có ý thức phát triển hoạt động kinh doanh đi kèm với bảo tồn đa dạng sinh học, khai thác có chọn lọc các điểm tham quan, du lịch, sử dụng tiết kiệm điện, nước, giữ vệ sinh nơi làm việc,... Điều này được Công ty phổ biến và quán triệt đến từng cán bộ nhân viên để từ đó nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty luôn xác định yếu tố con người là cốt lõi, do vậy luôn có những chính sách về quản lý nhân sự nhằm phát huy hết tiềm năng của người lao động.
Môi trường làm việc cũng được Công ty chú trọng, đảm bảo để người lao động có một môi trường làm việc xanh, năng động, sáng tạo. Công ty cũng đảm bảo các trang thiết bị bảo hộ: bình chữa cháy, hệ thống báo cháy,...
Chính sách lương thưởng rõ ràng, tạo được động lực cho người lao động, công bằng cho các nhân viên. Công ty cũng thực hiện đầy đủ các chương trình chăm sóc sức khỏe cho nhân viên, BHYT, BHXH,...
Có những chương trình đào tạo, phát triển nhân viên nhằm nâng cao nghiệp vụ, kiến thức với mong muốn tạo điều kiện cho nhân viên phát triển hết khả năng của mình.

ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng trong mối quan hệ của Công ty với cộng đồng xã hội. Hàng năm Công ty luôn trích một phần lợi nhuận cho hoạt động an sinh xã hội, qua đó phần nào chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng.

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Signature Not Verified
Ký bởi: Công Ty Cổ Phần Du Lịch Dịch Vụ Hà Nội
Ký ngày: 11/3/2020 14:41:52

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI
Số 273, Phố Kim Mã, Phường Giảng Võ,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Minh Chung	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch
Ông Lê Minh Thành	Phó Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Tiến	Thành viên
Bà Lê Thanh Hà	Thành viên
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2019)
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2019)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Kim Hà	Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Minh Tú	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Hoài Châu	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 15 tháng 01 năm 2020)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0100107156 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI - Q. BA ĐÌNH - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 7105 0000
Fax : +84 24 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 0602/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2020, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Deloitte.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trần Xuân Ánh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2018-001-1

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0910-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 3 năm 2020
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**535.564.564.663**	**544.905.169.512**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**21.387.519.790**	**54.124.963.325**
1. Tiền	111		9.587.519.790	11.446.428.536
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.800.000.000	42.678.534.789
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5**	**479.404.372.201**	**449.389.562.826**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		479.404.372.201	449.389.562.826
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**34.385.488.845**	**40.833.070.641**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	15.087.880.001	9.333.683.932
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	928.407.494	1.431.360.990
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	18.369.201.350	30.068.025.719
IV. Hàng tồn kho	**140**		**380.389.869**	**557.572.720**
1. Hàng tồn kho	141		380.389.869	557.572.720
V.Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**6.793.958**	**-**
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	6.793.958	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**355.334.656.744**	**366.220.555.937**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**717.202.250**	**639.202.250**
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	717.202.250	639.202.250
II. Tài sản cố định	**220**		**6.277.000.556**	**7.610.261.694**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	6.277.000.556	7.610.261.694
- Nguyên giá	*222*		*24.999.707.915*	*24.999.707.915*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(18.722.707.359)*	*(17.389.446.221)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**10**	**48.918.389.037**	**50.615.667.131**
- Nguyên giá	*231*		*75.236.709.739*	*75.236.709.739*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*232*		*(26.318.320.702)*	*(24.621.042.608)*
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5**	**287.646.705.597**	**287.646.705.597**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		285.774.104.867	285.774.104.867
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.872.600.730	1.872.600.730
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**11.775.359.304**	**19.708.719.265**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	11.775.359.304	19.708.719.265
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**890.899.221.407**	**911.125.725.449**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI
Số 273, Phố Kim Mã, Phường Giảng Võ,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**48.761.382.035**	**52.042.720.090**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**40.190.035.122**	**46.966.310.852**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	1.217.137.703	435.402.221
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	1.776.343.689	2.083.452.007
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.849.829.754	2.288.316.502
4. Phải trả người lao động	314		882.698.649	1.015.834.407
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	3.413.664.071	21.598.574.431
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	4.261.736.765	3.861.488.778
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	25.097.445.399	14.176.832.222
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.691.179.092	1.506.410.284
II. Nợ dài hạn	**330**		**8.571.346.913**	**5.076.409.238**
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	8.571.346.913	5.076.325.601
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	83.637
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**842.137.839.372**	**859.083.005.359**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**18**	**842.137.839.372**	**859.083.005.359**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		748.000.000.000	748.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*748.000.000.000*	*748.000.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.231.896.222	1.231.896.222
3. Cổ phiếu quỹ	415		(34.320.000)	(26.400.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.389.482.871	4.811.331.015
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		83.550.780.279	105.066.178.122
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*1.909.543.997*	*13.503.140.997*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*81.641.236.282*	*91.563.037.125*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**890.899.221.407**	**911.125.725.449**

Dương Thị Như	Tạ Ngọc Lẫm	Nguyễn Kim Hà
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 09 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	**01**	**21**	**168.771.969.283**	**163.975.960.565**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	10.000.000
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**168.771.969.283**	**163.965.960.565**
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	22	135.560.088.490	128.355.908.879
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**33.211.880.793**	**35.610.051.686**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	85.739.088.677	93.361.590.068
7. Chi phí tài chính	22		510.914.466	542.111.455
8. Chi phí bán hàng	25	25	9.138.685.439	8.257.273.886
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	18.143.914.185	20.751.901.789
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	**30**		**91.157.455.380**	**99.420.354.624**
11. Thu nhập khác	31		883.134.043	302.499.742
12. Chi phí khác	32		2.749.593.058	171.799.841
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(1.866.459.015)**	**130.699.901**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**89.290.996.365**	**99.551.054.525**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	7.649.843.720	7.987.933.763
16. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(83.637)	83.637
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**81.641.236.282**	**91.563.037.125**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**27**	**1.091**	**1.175**

Dương Thị Như
Người lập biểu

Tạ Ngọc Lẫm
Kế toán trưởng

Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***89.290.996.365***	***99.551.054.525***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.030.539.232	5.446.290.529
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.802.622	530.427.131
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(85.430.150.667)	(90.977.745.966)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***6.897.187.552***	***14.550.026.219***
Thay đổi các khoản phải thu	09	5.073.243.129	(2.063.368.318)
Thay đổi hàng tồn kho	10	177.182.851	(234.690.482)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.277.227.490	(286.960.247)
Thay đổi chi phí trả trước	12	7.933.359.961	7.183.628.224
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.114.800.126)	(6.945.351.224)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.503.985.285)	(3.490.248.783)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***9.739.415.572***	***8.713.035.389***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	-	(2.371.258.182)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	291.818.181
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.536.352.338.703)	(418.909.447.826)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.506.337.529.328	432.570.499.000
5. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	86.719.695.376	88.945.324.349
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***56.704.886.001***	***100.526.935.522***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(99.175.942.486)	(79.730.238.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(99.175.942.486)***	***(79.730.238.250)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**(32.731.640.913)**	**29.509.732.661**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**54.124.963.325**	**24.625.772.795**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(5.802.622)	(10.542.131)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**21.387.519.790**	**54.124.963.325**

Dương Thị Như
Người lập biểu

Tạ Ngọc Lẫm
Kế toán trưởng

Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000248 ngày 20 tháng 10 năm 2005, thay đổi lần thứ 02 ngày 06 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100107155 ngày 15 tháng 3 năm 2016, thay đổi lần thứ 04 ngày 09 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, với vốn điều lệ là 748.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 93 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 92).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa; kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); kinh doanh vận chuyển khách du lịch và hàng hóa; kinh doanh ăn uống, đặc sản cao cấp và bình dân (không bao gồm kinh doanh quán bar); hướng dẫn du lịch, phiên dịch; dịch vụ thông tin (trừ loại thông tin Nhà nước cấm); dịch vụ vui chơi, giải trí, xông hơi xoa bóp (không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền); kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà ở cho các đối tượng trong và ngoài nước; kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp; lập dự án, đầu tư xây dựng và quản lý khu du lịch, khách sạn, khu đô thị, trung tâm thương mại dịch vụ; các loại dịch vụ khác: cho thuê hoạt động (nấu ăn, phiên dịch, lái xe); tổ chức hội nghị, hội thảo, kinh doanh hàng lưu niệm, tranh ảnh nghệ thuật, mỹ phẩm cao cấp; may đo, giặt là, cắt uốn tóc, chăm sóc sắc đẹp, trang điểm (không bao gồm các dịch vụ gây chảy máu).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ du lịch và các dịch vụ liên quan.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Trung tâm Lữ hành	Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Dịch vụ du lịch
2	Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 348 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ du lịch
3	Xí nghiệp Dịch vụ Du lịch	Số 98 Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh doanh ăn uống và dịch vụ khác
4	Trung tâm Dịch vụ, Đại lý vé máy bay	Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Đại lý vé máy bay

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
	Công ty liên doanh		
1	Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	D8, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
2	Công ty TNHH Global Toserco	Số 40 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
	Công ty liên kết		
1	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Số 269 Kim Mã, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh và công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa và vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp và các khoản chi phí trả trước khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này sẽ được phân bổ trong thời gian 5 năm vào chi phí sản xuất kinh doanh khi Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm chi phí thuê đất, chi phí khác và giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	72.054.506	170.468.883
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.467.465.284	11.275.959.653
Tiền đang chuyển	3.048.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (i)	11.800.000.000	42.678.534.789
	21.387.519.790	**54.124.963.325**

(i) Bao gồm 1,5 tỷ VND tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam đang được sử dụng nhằm bảo lãnh xuất vé máy bay của Công ty TNHH IATA Việt Nam.

Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tuần đến 03 tháng tại các Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 0,8% đến 5%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a/ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	479.404.372.201	479.404.372.201	449.389.562.826	449.389.562.826
	479.404.372.201	**479.404.372.201**	**449.389.562.826**	**449.389.562.826**

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,5% đến 8,4%/năm và phản ánh các khoản tiền gửi bằng USD có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại, với lãi suất 0%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng bằng VND đang bị phong tỏa 68.178.000 VND để phát hành thẻ visa.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b/ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
b1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	**285.774.104.867**		**285.774.104.867**	
Công ty TNHH Global Toserco	*209.672.714.716*	-	*209.672.714.716*	-
Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	*61.365.277.633*	-	*61.365.277.633*	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	*14.736.112.518*	-	*14.736.112.518*	-
b2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	**1.872.600.730**		**1.872.600.730**	
Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi	*1.872.600.730*	-	*1.872.600.730*	-
	287.646.705.597	**-**	**287.646.705.597**	**-**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá gốc các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là giá trị đánh giá lại được phê duyệt theo Quyết định số 7189/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội và sau đó, các khoản đầu tư này được Công ty định giá lại theo hướng dẫn của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần ("Nghị định 59"), Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59 và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Công ty chưa đánh giá được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết và các công ty nhận đầu tư khác của Công ty như sau:

STT	Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ góp vốn	Hoạt động chính
1	Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel (từ tháng 1/2019 - tháng 8/2019)	Việt Nam	50,00%	29,58%	Kinh doanh khách sạn
	Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel (từ tháng 9/2019 - tháng 12/2019)	Việt Nam	60,00%	29,58%	Kinh doanh khách sạn
2	Công ty TNHH Global Toserco	Việt Nam	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn
3	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Việt Nam	40,00%	40,00%	Kinh doanh khách sạn
4	Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi	Việt Nam	5,20%	5,20%	Kinh doanh vận tải

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Ericsson Việt Nam	4.643.802.867	1.928.753.410
Công ty TNHH Yamaha Việt Nam	2.208.615.500	1.219.058.764
PATH	896.402.400	541.113.260
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.339.059.234	5.644.758.498
	15.087.880.001	**9.333.683.932**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Du lịch Hồng Ngọc Hà	178.912.127	532.676.490
Khách sạn Đông Khởi Grand Hotel	126.510.000	-
Công ty TNHH MTV Khách Sạn Quốc Tế Thiên Phúc	115.166.000	78.398.000
Công ty Cổ phần Cung ứng Nghiệp vụ Chất lượng cao Quốc tế	114.720.000	-
Khách sạn Le Meridien Sài Gòn	112.900.000	-
Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	280.199.367	820.286.500
	928.407.494	**1.431.360.990**

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi	11.367.939.431	12.657.484.140
Ký cược, ký quỹ	5.538.125.000	14.434.998.840
Tạm ứng cho nhân viên	492.500.000	424.034.500
Phải thu khác	970.636.919	2.551.508.239
	18.369.201.350	**30.068.025.719**
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	717.202.250	639.202.250
	717.202.250	**639.202.250**

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	5.494.086.156	17.096.963.577	2.371.258.182	37.400.000	24.999.707.915
Số dư cuối năm	5.494.086.156	17.096.963.577	2.371.258.182	37.400.000	24.999.707.915
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	1.481.527.770	15.695.785.258	174.733.193	37.400.000	17.389.446.221
Khấu hao trong năm	181.293.156	914.842.162	237.125.820	-	1.333.261.138
Số dư cuối năm	1.662.820.926	16.610.627.420	411.859.013	37.400.000	18.722.707.359
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	**4.012.558.386**	**1.401.178.319**	**2.196.524.989**	**-**	**7.610.261.694**
Tại ngày cuối năm	**3.831.265.230**	**486.336.157**	**1.959.399.169**	**-**	**6.277.000.556**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 15.195.437.956 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 190.983.636 VND).

10. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa và vật kiến trúc
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	75.236.709.739
Số dư cuối năm	75.236.709.739
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	24.621.042.608
Trích khấu hao trong năm	1.697.278.094
Số dư cuối năm	26.318.320.702
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	**50.615.667.131**
Tại ngày cuối năm	**48.918.389.037**

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lợi thế kinh doanh (i)	10.096.100.168	18.451.493.408
Chi phí địa chính (ii)	855.766.458	891.918.904
Chi phí trả trước khác	823.492.678	365.306.953
	11.775.359.304	**19.708.719.265**

(i) Lợi thế kinh doanh của Công ty phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 5 năm khi Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Giá trị đã được phân bổ vào chi phí trong năm là 8.355.393.240 VND (năm 2018 là 8.355.393.241 VND).

(ii) Thể hiện giá trị còn lại của khoản chi phí trả cho Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội liên quan đến dịch vụ tư vấn địa chính tại tòa nhà số 2 Núi Trúc. Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí kinh doanh trong năm tương ứng với thời gian thuê đất.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngôi Sao Đỏ	480.703.985	480.703.985	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Dương Gia	156.729.950	156.729.950	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	579.703.768	579.703.768	435.402.221	435.402.221
	1.217.137.703	**1.217.137.703**	**435.402.221**	**435.402.221**

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
International Study Programs, s.r.o	1.584.473.239	1.687.419.956
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	191.870.450	396.032.051
	1.776.343.689	**2.083.452.007**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải thu/nộp trong năm	Số đã nộp/ bù trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	6.793.958	6.793.958
	-	-	**6.793.958**	**6.793.958**
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	206.473.651	4.708.705.895	4.726.393.957	188.785.589
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.057.733.111	7.649.843.720	8.114.800.126	1.592.776.705
Thuế thu nhập cá nhân	24.109.740	1.448.482.359	1.404.324.639	68.267.460
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.988.959.856	5.988.959.856	-
Các loại thuế khác	-	17.000.000	17.000.000	-
	2.288.316.502	**19.812.991.830**	**20.251.478.578**	**1.849.829.754**

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền lãi phải trả cho các nhà đầu tư	-	18.805.975.243
Trích trước lương tháng 13, tiền thưởng và ăn trưa	2.385.314.859	2.494.800.923
Chi phí phải trả khác	1.028.349.212	297.798.265
	3.413.664.071	**21.598.574.431**

(i) Trong năm 2019, theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 11 tháng 3 năm 2019, Công ty thông qua phương án chi trả tiền lãi phải trả với lãi suất 8,1%/năm cho các nhà đầu tư mua cổ phần trong thời gian Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp kéo dài trên 3 tháng từ ngày hết hạn nộp tiền mua cổ phần. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã trả 12.103.110.304 VND, số dư phải trả còn lại đang được ghi nhận trên Tài khoản 338 – Phải trả khác.

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn phản ánh số tiền của khách hàng đã trả trước tiền thuê văn phòng cho nhiều kỳ kế toán.

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả cổ tức	13.529.139.551	6.514.161.750
Lãi phải trả cho các nhà đầu tư cổ phần hóa	6.702.864.939	-
Nhận ký quỹ, ký cược	2.495.139.827	5.865.653.552
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.004.607.947	1.001.907.947
Phải trả ngắn hạn khác	1.365.693.135	795.108.973
	25.097.445.399	**14.176.832.222**
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	8.571.346.913	5.076.325.601
	8.571.346.913	**5.076.325.601**

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**748.000.000.000**	**1.231.896.222**	**(26.400.000)**	**108.429.761.290**	**-**	**857.635.257.512**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	91.563.037.125	-	91.563.037.125
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.946.356.872)	-	(1.946.356.872)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.924.532.406)	-	(1.924.532.406)
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	-	(4.811.331.015)	4.811.331.015	-
Chia cổ tức	-	-	-	(86.244.400.000)	-	(86.244.400.000)
Số dư đầu năm nay	**748.000.000.000**	**1.231.896.222**	**(26.400.000)**	**105.066.178.122**	**4.811.331.015**	**859.083.005.359**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	81.641.236.282	-	81.641.236.282
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(1.849.573.350)	-	(1.849.573.350)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (i)	-	-	-	(1.831.260.743)	-	(1.831.260.743)
Trích quỹ đầu tư, phát triển (i)	-	-	-	(4.578.151.856)	4.578.151.856	-
Chia cổ tức (i) (ii)	-	-	-	(94.897.648.176)	-	(94.897.648.176)
Mua lại cổ phiếu từ cán bộ, nhân viên	-	-	(7.920.000)	-	-	(7.920.000)
Số dư cuối năm nay	**748.000.000.000**	**1.231.896.222**	**(34.320.000)**	**83.550.780.279**	**9.389.482.871**	**842.137.839.372**

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 28 tháng 6 năm 2019, Công ty thực hiện trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 1.849.573.350 VND; Quỹ thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát với số tiền là 1.831.260.743 VND; và Quỹ đầu tư, phát triển với số tiền là 4.578.151.856 VND. Đồng thời, Đại hội đồng cổ đông cũng thông qua việc chia cổ tức với tỷ lệ 11,14% vốn điều lệ với số tiền là 83.304.051.176 VND.

(ii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 05 tháng 12 năm 2019 thông qua việc chia cổ tức từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 với số tiền là 11.593.597.000 VND.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	74.800.000	74.800.000
Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	2.600	2.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	74.797.400	74.798.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 09 tháng 10 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 748.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	338.030.000.000	45,2	338.030.000.000	45,2
Công ty Cổ phần Phát triển TN	200.000.000.000	26,7	200.000.000.000	26,7
Các cổ đông khác	209.970.000.000	28,1	209.970.000.000	28,1
	748.000.000.000	**100**	**748.000.000.000**	**100**

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ	USD	3.752.162,37	3.929.516,25
Euro	EUR	278,20	289,12

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

1 - Bộ phận cho thuê văn phòng: Chuyên kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà ở cho các đối tượng trong và ngoài nước;

2 - Bộ phận vận hành tour du lịch: kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa và các dịch vụ liên quan

3 - Bộ phận thực hiện hoạt động đại lý vé máy bay: Chuyên kinh doanh vé máy bay trong và ngoài nước.

Việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Năm nay

Chỉ tiêu	Hoạt động cho thuê văn phòng	Hoạt động vận hành tour du lịch	Hoạt động làm đại lý vé máy bay	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu theo bộ phận				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	50.278.101.629	77.870.696.563	40.623.171.091	168.771.969.283
Tổng doanh thu theo bộ phận	**50.278.101.629**	**77.870.696.563**	**40.623.171.091**	**168.771.969.283**
Chi phí theo bộ phận				
Chi phí giá vốn phân bổ trực tiếp theo bộ phận	24.878.826.831	73.920.405.724	36.760.855.935	135.560.088.490
Chi phí hoạt động phân bổ trực tiếp theo bộ phận	20.534.733.808	3.493.755.226	3.254.110.590	27.282.599.624
Tổng chi phí	**45.413.560.639**	**77.414.160.950**	**40.014.966.525**	**162.842.688.114**
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	**4.864.540.990**	**456.535.613**	**608.204.566**	**5.929.281.169**
Tài sản bộ phận	**861.475.493.176**	**15.810.039.058**	**13.613.689.173**	**890.899.221.407**
Nợ phải trả bộ phận	**20.881.831.542**	**15.009.589.000**	**12.869.961.493**	**48.761.382.035**

21. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cho thuê văn phòng	50.278.101.629	49.745.577.918
Doanh thu vận hành tour du lịch	77.870.696.563	80.327.755.984
Doanh thu từ đại lý vé máy bay	40.623.171.091	33.902.626.663
	168.771.969.283	**163.975.960.565**

22. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn cho thuê văn phòng	24.878.826.831	21.792.381.588
Giá vốn vận hành tour du lịch	73.920.405.724	76.034.393.844
Giá vốn từ đại lý vé máy bay	36.760.855.935	30.529.133.447
	135.560.088.490	**128.355.908.879**

23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	499.042.835	115.736.600
Chi phí nhân công	20.217.749.235	17.748.398.531
Chi phí khấu hao	3.030.539.232	5.446.290.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.524.886.097	114.350.639.479
Chi phí bằng tiền khác	19.570.470.715	19.704.019.415
	162.842.688.114	**157.365.084.554**

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	31.198.271.435	29.753.481.759
Cổ tức, lợi nhuận được chia	54.231.879.232	61.068.486.779
Lãi chênh lệch tỷ giá	308.938.010	2.539.621.530
	85.739.088.677	**93.361.590.068**

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	8.270.887.189	7.707.921.683
Chi phí khấu hao	16.798.164	16.798.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	333.638.273	280.279.401
Chi phí bằng tiền khác	517.361.813	252.274.638
	9.138.685.439	**8.257.273.886**
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	7.875.310.712	10.040.476.848
Chi phí khấu hao	401.620.812	364.719.085
Chi phí dịch vụ mua ngoài	632.973.689	575.726.059
Chi phí bằng tiền khác	9.234.008.972	9.770.979.797
	18.143.914.185	**20.751.901.789**

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	89.290.996.365	99.551.054.525
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.071.222.196	1.593.089.362
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	*2.917.039.363*	*1.062.123.443*
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	*154.182.833*	*530.965.919*
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(55.497.170.127)	(61.204.475.073)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	*(54.231.879.232)*	*(61.068.486.779)*
- Điều chỉnh khấu hao TSCĐ theo Kiểm toán Nhà nước	*(734.160.555)*	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được mang sang	*(530.965.919)*	*(135.988.294)*
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	*(164.421)*	-
Thu nhập chịu thuế	**36.865.048.434**	**39.939.668.814**
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**7.373.009.686**	**7.987.933.763**
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	276.834.034	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**7.649.843.720**	**7.987.933.763**

Trong năm, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nhiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	**81.641.236.282**	**91.563.037.125**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(1.849.573.350)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (VND)	-	(1.831.260.743)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	81.641.236.282	87.882.203.032
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	74.797.400	74.798.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	**1.091**	**1.175**

Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được xác định lại từ nguồn lợi nhuận sau thuế TNDN cả năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28 tháng 6 năm 2019. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty năm 2018 được trình bày lại là 1.175 VND/cổ phiếu (số đã trình bày năm trước: 1.224 VND/cổ phiếu).

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa có kế hoạch về số tiền sẽ trả thù lao cho Ban điều hành, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và số tiền sẽ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019, do đó chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 có thể thay đổi nếu Công ty có quyết định về việc trích và chi trả các quỹ này trong tương lai.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Điều hành được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Ban Điều hành	1.900.072.727	1.803.884.284

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm là 99.175.942.486 VND, không bao gồm số tiền 20.232.004.490 VND (năm trước là 25.320.136.993 VND), là số tiền dùng để chi trả cổ tức đã phát sinh mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần Thay đổi các khoản phải trả.

Dương Thị Như	**Tạ Ngọc Lẫm**	**Nguyễn Kim Hà**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 09 tháng 3 năm 2020